

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 21

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính nhất của Công ty và các công ty con ("Công ty") đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Bá Trí	Chủ tịch
Ông Đặng Anh Tâm	Thành viên/ Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên
Ông Fuco Rudyanto Chandra	Thành viên
Bà Võ Thị Thanh Trà	Giám đốc Tài chính
Ông Phan Thanh Huân	Giám đốc Điều hành
Ông Lâm Thái Bảo	Giám đốc Kinh doanh
Ông Trần Quốc Khôi	Giám đốc Kỹ thuật

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

### **PHE DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và Đại diện cho Hội đồng Quản trị,



**NGUYỄN BÁ TRÍ**

Chủ tịch

Ngày 28 tháng 3 năm 2013



Số: M73/DFK-HCM

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính Hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí và các công ty con ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 21 kèm theo.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Hồ Đức Hiền

Phó Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0458 /KTV

Thay mặt và đại diện cho:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Lê Đình Huyền

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1756/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>291.445.614.882</b>	<b>282.854.271.796</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>15.149.054.345</b>	<b>9.051.010.221</b>
1. Tiền	111		15.149.054.345	9.051.010.221
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>115.476.746.626</b>	<b>103.954.401.002</b>
1. Phải thu khách hàng	131		60.035.143.746	46.177.716.219
2. Trả trước cho người bán	132		15.635.376.167	8.172.146.356
5. Các khoản phải thu khác	135		44.717.906.117	50.338.573.057
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.911.679.404)	(734.034.630)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>152.166.220.301</b>	<b>164.800.501.908</b>
1. Hàng tồn kho	141		152.166.220.301	164.800.501.908
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.653.593.610</b>	<b>5.048.358.665</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		599.204.554	1.002.636.105
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		567.595.174	754.282.889
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		327.722.001	20.522.769
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>7</b>	7.159.071.881	3.270.916.902
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>69.635.050.153</b>	<b>79.689.788.532</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.355.321.981</b>	<b>50.425.011.797</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	27.716.577.839	34.418.008.096
Nguyên giá	222		41.161.713.563	47.909.877.989
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.445.135.724)	(13.491.869.893)
2. Tài sản thuê tài chính	224	<b>9</b>	12.376.666.671	15.536.666.667
Nguyên giá	225		15.800.000.000	15.800.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.423.333.329)	(263.333.333)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>10</b>	262.077.471	189.744.219
Nguyên giá	228		502.901.962	369.453.092
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(240.824.491)	(179.708.873)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	280.592.815
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>25.720.000.000</b>	<b>25.920.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		15.600.000.000	15.600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.120.000.000	10.320.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.559.728.172</b>	<b>3.344.776.735</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>12</b>	1.486.819.209	1.606.776.735
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.072.908.963	1.738.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>361.080.665.035</b>	<b>362.544.060.328</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>236.922.991.787</b>	<b>236.527.334.392</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>228.872.879.787</b>	<b>218.232.688.097</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	82.573.916.005	54.456.330.250
2. Phải trả người bán	312		49.956.948.528	50.416.752.449
3. Người mua trả tiền trước	313		73.004.852.316	75.998.148.802
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	4.743.995.772	3.650.057.018
5. Phải trả công nhân viên	315		2.375.990.498	346.851.896
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319		10.433.295.425	27.568.741.121
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	15	2.211.701.401	2.007.974.082
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		3.572.179.842	3.787.832.479
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.050.112.000</b>	<b>18.294.646.295</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	8.050.112.000	17.985.056.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	309.590.295
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>30</b>	<b>121.400.166.905</b>	<b>117.410.555.287</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>121.400.166.905</b>	<b>117.410.555.287</b>
1. Vốn điều lệ	411	17	80.591.400.000	80.591.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.536.448.000	7.536.448.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(445.179.190)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.736.386.344	6.761.359.752
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.973.005.171	3.997.978.579
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		908.972.112	(66.054.480)
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		19.653.955.278	19.034.602.626
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>440</b>	<b>19</b>	<b>2.757.506.343</b>	<b>8.606.170.649</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>450</b>		<b>361.080.665.035</b>	<b>362.544.060.328</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại:			
USD		112.352,38	844,68
EUR		507,00	427,35
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



**ĐẶNG ANH TÂM**  
 Tổng Giám Đốc  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2013

**PHAN QUANG VINH**  
 Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012		2011	
1. Doanh thu bán hàng	01		360.733.158.304		418.930.256.894	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.016.000		26.392.000	
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	20	360.727.142.304		418.903.864.894	
4. Giá vốn hàng bán	11	21	290.520.625.478		339.064.471.584	
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>70.206.516.826</b>		<b>79.839.393.310</b>	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	461.772.590		459.290.525	
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	23	13.359.204.395		10.471.450.340	
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.673.977.294</i>		<i>8.754.764.554</i>	
8. Chi phí bán hàng	24	24	5.115.684.864		3.525.456.012	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	33.543.226.596		41.290.019.617	
<b>10. Lãi từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>18.650.173.561</b>		<b>25.011.757.866</b>	
11. Thu nhập khác	31		4.240.693.393		3.774.302.198	
12. Chi phí khác	32		3.293.603.646		1.672.333.169	
13. Lợi nhuận khác	40		947.089.747		2.101.969.029	
<b>14. Lãi kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>19.597.263.308</b>		<b>27.113.726.895</b>	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	26	2.559.745.066		3.534.066.665	
<b>16. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>17.037.518.242</b>		<b>23.579.660.230</b>	
<i>Phân bổ cho:</i>						
16.1 Cổ đông của Công ty			16.608.169.018		22.388.112.748	
16.2 Lợi ích của cổ đông thiểu số			429.349.224		1.191.547.482	
<b>Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ phiếu</b>	<b>61</b>	<b>27</b>	<b>2.061</b>		<b>3.047</b>	



**ĐẶNG ANH TÂM**  
Tổng Giám Đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

**PHAN QUANG VINH**  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 03-DN**  
 Đơn vị: VNĐ  
 Năm 2011

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
<b>I, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1, Lãi trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>19.597.263.308</b>	<b>27.113.726.895</b>
<b>2, Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.240.275.499	3.280.684.075
Các khoản dự phòng	03	4.177.644.774	600.874.313
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	11.604.671	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(296.041.491)	2.948.054.996
Chi phí lãi vay	04	12.673.977.294	8.754.764.554
<b>3, Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>42.404.724.055</b>	<b>42.698.104.833</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(10.174.009.245)	(4.388.766.256)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	12.634.281.608	(43.209.239.521)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(25.971.801.544)	7.908.756.042
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	523.389.077	(1.118.381.645)
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.673.977.294)	(8.144.925.028)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.586.934.553)	(7.261.929.253)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	5.263.137.465	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.857.384.755)	(1.738.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.438.575.186)</b>	<b>(15.254.380.828)</b>
<b>II, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.527.164.383)	(5.438.378.749)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	39.974.022
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	200.000.000	400.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	330.409.944	459.290.525
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(996.754.439)</b>	<b>(4.539.114.202)</b>
<b>III, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp	31	-	21.918.860.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	171.136.207.167	89.509.439.877
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(145.822.708.821)	(71.604.751.408)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(2.683.032.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.088.710.000)	(18.456.312.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>10.541.756.346</b>	<b>21.367.236.469</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>6.106.426.721</b>	<b>1.573.741.439</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>9.051.010.221</b>	<b>7.477.268.782</b>
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	61	(8.382.597)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>15.149.054.345</b>	<b>9.051.010.221</b>



**ĐẶNG ANH TÂM**  
 Tổng Giám Đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

**PHAN QUANG VINH**  
 Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí ("Công ty") và bốn (4) công ty con như sau:

**Công ty**

Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301055926 ngày 16 tháng 07 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, quyền phân phối bán lẻ máy móc, vật tư, thiết bị các công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, thiết bị môi trường, cơ khí thuộc ngành công nghiệp và dân dụng. Dịch vụ liên quan tới sản xuất (CPC 884 và 885). Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633). Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516). Dịch vụ sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí (CPC 51641). Dịch vụ mắc và lắp ráp điện (CPC 516). Dịch vụ kho bãi (CPC 742). Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748). Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672). Thiết kế cơ điện công trình. Thiết kế thông gió, điều hòa không khí công trình công nghiệp./.

Trụ sở của Công ty đặt tại 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Các công ty con**

Công ty TNHH Hoàng Tâm là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304167353 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2006, và giấy phép điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty là sản xuất, lắp ráp, lắp đặt vật tư thiết bị cơ điện lạnh. Sản xuất vật liệu cách âm, cách nhiệt cao, thiết bị môi trường. Sản xuất các thiết bị phục vụ chế biến nông - thủy sản, thiết bị sử dụng cho tàu thuyền. Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí. Dịch vụ tư vấn, lắp đặt cơ điện lạnh. Công ty nắm giữ 96,5% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Tâm.

Công ty TNHH Kỹ Thuật Công Trình Hưng Trí là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309112206 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2009. Hoạt động chính của công ty là thiết kế công trình điện năng; thiết kế công trình điện công nghiệp, dân dụng; thiết kế các công trình chiếu sáng via hè. Lắp đặt hệ thống điện; cấp - thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí; thiết bị làm lạnh công nghiệp; điện lạnh; máy sản xuất nước đá; thiết bị lọc nước và tinh chế nước; hệ thống điện tử, tin học. Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí; thiết bị làm lạnh công nghiệp; điện lạnh; máy vi tính và thiết bị ngoại vi; thiết bị điện tử; hệ thống điện. Sản xuất máy sản xuất nước đá; vật liệu cách âm, cách nhiệt cao, thiết bị môi trường; sản phẩm cơ khí; gia công cơ khí; nước khoáng; nước tinh khiết đóng chai; thiết bị lạnh công nghiệp; tủ lạnh; hệ thống làm lạnh công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất nước đá. Bán buôn máy móc, thiết bị vật tư ngành điện, nước, điện lạnh, máy văn phòng; máy vi tính, điện tử, thiết bị ngoại vi; thực phẩm, nông sản; nước uống đóng chai; nước đá. Bán lẻ máy móc, thiết bị vật tư ngành điện, nước, điện lạnh, máy văn phòng; thực phẩm, nông thủy sản; nước đá. Đại lý giao nhận hàng hóa. Công ty nắm giữ 95% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Kỹ Thuật Công Trình Hưng Trí.

Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309116112 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 07 năm 2009. Hoạt động chính của công ty là lắp đặt hệ thống điện; hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thiết bị lạnh công nghiệp - điện lạnh; hệ thống điện, tin học. Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thiết bị lạnh công nghiệp - điện lạnh; máy vi tính và thiết bị ngoại vi; thiết bị điện tử; hệ thống điện (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản xuất vật liệu cách âm, cách nhiệt cao, thiết bị môi trường (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất thiết bị phân phối và điều khiển điện (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi. Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Công ty nắm giữ 90% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Các công ty con (tiếp theo)**

Công ty TNHH Kho Vận Chuyên Nghiệp ETC là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 2500235476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 01 năm 2005. Hoạt động chính của công ty là tinh chế, đóng gói hàng hóa và bảo quản hàng nông sản thực phẩm trong nước và xuất khẩu; vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải, xe container, bốc xếp hàng hóa; sản xuất nước đá tinh khiết; lắp, ráp, cung cấp, lắp đặt và dịch vụ kỹ thuật trong ngành lạnh công nghiệp; cho thuê kho lạnh; Sản xuất bao bì carton. Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Kho vận Chuyên Nghiệp ETC.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Do không thu thập được báo cáo tài chính của các công ty liên kết nên các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định khác	06

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính (5 năm) tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	194.446.338	514.187.089
Tiền gửi ngân hàng	14.954.608.007	8.536.823.132
VNĐ	12.603.799.704	8.507.672.192
Ngoại tệ	2.350.808.303	29.150.940
	<u><b>15.149.054.345</b></u>	<u><b>9.051.010.221</b></u>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu khách hàng	60.035.143.746	46.177.716.220
Trả trước cho người bán	15.635.376.167	8.172.146.356
Phải thu khác (*)	44.717.906.117	50.338.573.056
	<u><b>120.388.426.030</b></u>	<u><b>104.688.435.632</b></u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(4.911.679.404)	(734.034.630)
	<u><b>115.476.746.626</b></u>	<u><b>103.954.401.002</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo Tài chính Hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên vật liệu	45.179.137.905	52.194.285.818
Công cụ dụng cụ	57.399.392	146.272.452
Chi phí sản xuất dở dang	106.919.291.153	112.399.478.625
Thành phẩm	10.391.851	60.465.013
	<b>152.166.220.301</b>	<b>164.800.501.908</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<b>152.166.220.301</b>	<b>164.800.501.908</b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	599.204.554	1.002.636.105
Thuế VAT được khấu trừ	567.595.174	754.282.889
Các khoản thuế phải thu	327.722.001	20.522.769
Tài sản ngắn hạn khác	7.159.071.881	3.270.916.902
	<b>8.653.593.610</b>	<b>5.048.358.665</b>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa & vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01/01/2012	25.704.009.050	16.490.574.693	3.166.977.910	2.548.316.336	47.909.877.989
Tăng	911.541.410	274.323.000	-	488.443.918	1.674.308.328
Phân loại lại	(740.805.793)	(7.622.320.143)	-	(59.346.818)	(8.422.472.754)
Tại ngày 31/12/2012	<b>25.874.744.667</b>	<b>9.142.577.550</b>	<b>3.166.977.910</b>	<b>2.977.413.436</b>	<b>41.161.713.563</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	(7.218.923.897)	(3.448.674.545)	(1.879.949.574)	(944.321.877)	(13.491.869.893)
Khấu hao trong năm	(1.332.684.595)	(1.038.704.914)	(331.777.819)	(315.992.557)	(3.019.159.885)
Thanh lý	2.458.677.008	693.743.749	-	(86.526.703)	3.065.894.054
Tại ngày 31/12/2012	<b>(6.092.931.484)</b>	<b>(3.793.635.710)</b>	<b>(2.211.727.393)</b>	<b>(1.346.841.137)</b>	<b>(13.445.135.724)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2012	<b>18.485.085.153</b>	<b>13.041.900.148</b>	<b>1.287.028.336</b>	<b>1.603.994.459</b>	<b>34.418.008.096</b>
Tại ngày 31/12/2012	<b>19.781.813.183</b>	<b>5.348.941.840</b>	<b>955.250.517</b>	<b>1.630.572.299</b>	<b>27.716.577.839</b>

Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí đã thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 14.177.679.200 VNĐ (năm 2011: 14.744.786.360 VNĐ) để đảm bảo cho các khoản tiền vay của Công ty TNHH Hoàng Tâm tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo Tài chính Hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

<b>NGUYÊN GIÁ</b>	Máy móc, thiết bị
Tại ngày 01/01/2012	VNĐ 15.800.000.000
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2012	<u>15.800.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2012	(263.333.333)
Khấu hao trong năm	(3.159.999.996)
Tại ngày 31/12/2012	<u>(3.423.333.329)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2012	<u>15.536.666.667</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>12.376.666.671</u>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

<b>NGUYÊN GIÁ</b>	Phần mềm máy tính
Tại ngày 01/01/2012	VNĐ 369.453.092
Tăng trong năm	133.448.870
Tại ngày 31/12/2012	<u>502.901.962</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2012	(179.708.873)
Khấu hao trong năm	(61.115.618)
Tại ngày 31/12/2012	<u>(240.824.491)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2012	<u>189.744.219</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>262.077.471</u>

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Góp vốn liên doanh, liên kết (*)	15.600.000.000	15.600.000.000
Đầu tư dài hạn khác (**)	10.120.000.000	10.320.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
	<u>25.720.000.000</u>	<u>25.920.000.000</u>

(\*) Chi tiết như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Cty TNHH Bao Bì & Cơ Điện lạnh Ba Huân	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Thủy Sản Phú Thọ	600.000.000	600.000.000
	<u>15.600.000.000</u>	<u>15.600.000.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo Tài chính Hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Ngày 18 tháng 08 năm 2009, Công ty TNHH Hoàng Tâm đã ký hợp đồng liên doanh với Công ty TNHH Ba Huân thành lập Công ty TNHH Bao Bì & Cơ Điện Lạnh Ba Huân với số vốn điều lệ ban đầu là 20.000.000.000VNĐ, ngày 04 tháng 05 năm 2010 vốn điều lệ tăng lên thành 30.000.000.000 VNĐ, và tỷ lệ góp vốn là 50/50. Mục đích của liên doanh là để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng hút định hình làm hộp đứng trứng gà, vịt và kho hàng trên lô đất có diện tích 29.859,2 m<sup>2</sup> tại xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty TNHH Hoàng Tâm đã chuyển số vốn góp là 15.000.000.000 đồng.

(\*\*) Chi tiết như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Cổ phần Thủy Hải sản An Phú	10.000.000.000	10.000.000.000
C.ty TNHH Thiết bị lạnh Hưng Trí, Long An	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Hải Việt	120.000.000	120.000.000
	<u><b>10.120.000.000</b></u>	<u><b>10.320.000.000</b></u>

Các công ty liên doanh mà Công ty tham gia góp vốn chưa tiến hành lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, do đó các khoản góp vốn liên doanh được phản ánh theo giá gốc.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01 tháng 01	1.606.776.735	1.289.625.495
Tăng trong năm	149.090.836	641.271.345
Phân bổ vào chi phí trong năm	(269.048.362)	(324.120.105)
Tại ngày 31 tháng 12	<u><b>1.486.819.209</b></u>	<u><b>1.606.776.735</b></u>

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa Văn phòng Công ty và Chi phí thuê cơ sở hạ tầng của công ty TNHH Kho vận chuyên nghiệp ETC. Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 36 tháng (theo quy định tại Điều 7.2, Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định).

**13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Chợ Lớn	17.234.363.601	18.718.102.953
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	37.301.408.257	-
Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Điện Biên Phủ	-	12.058.119.950
Công ty TNHH Tin học Anh Quân	5.000.000.000	3.000.000.000
Vay cá nhân	19.867.288.147	15.183.163.347
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.170.856.000	5.496.944.000
	<u><b>82.573.916.005</b></u>	<u><b>54.456.330.250</b></u>

Khoản vay từ Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Chợ Lớn thể hiện khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 130/2012/HĐ số đăng ký tại Ngân hàng: 01/1452090 ngày 26/4/2012 với hạn mức dư nợ tối đa là 65.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành thư tín dụng (LC), bảo lãnh thanh toán và các bảo lãnh khác, thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn rút vốn của Hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản thế chấp bảo đảm vốn vay là: nhận sự bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba là ông Bùi Quốc Hưng và bà Lê Thị Phương Anh, tài sản là căn nhà số 8 đường Mỹ Thái 1A, khu phố Mỹ Thái-S14&S20, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM, nhận sự bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba là ông Nguyễn Bá Trí và bà Huỳnh Anh Thư, tài sản là căn nhà số 60P đường Lê Thị Riêng, phường Bến Thành, quận 1, Tp. HCM, giá trị tài sản đảm bảo, phương thức xử lý tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định tại Hợp đồng đảm bảo tiền vay, đảm bảo bằng tiền gửi: ký quỹ 10% giá trị bảo lãnh đối với tất cả các loại bảo lãnh bằng tiền gửi thanh toán của Bên vay mở tại Ngân hàng, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VNĐ và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Khoản vay từ Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận thể hiện khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/1458165HD số đăng ký tại Ngân hàng: 00315/2012/0000496 ngày 16/7/2012 với hạn mức dư nợ tối đa là 40.000.000.000 đồng, bao gồm dư nợ của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HD ngày 28/11/2011. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn rút vốn của Hợp đồng 12 tháng kể từ ngày 16/7/2012. Tài sản thế chấp bảo đảm vốn vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 51 Trần Phú, phường 4, quận 5, Tp Hồ Chí Minh, thế chấp bổ sung tài sản của bên thứ ba là giá trị vốn góp hợp đồng mua nhà ở tại khu nhà ở phường Tân Hưng, quận 7, Tp Hồ Chí Minh do công ty TNHH TM Him Lam làm chủ đầu tư, vị trí: nền D14, tổng diện tích khuôn viên: 150 m<sup>2</sup>, giá trị TSĐB, phương thức xử lý TSĐB thực hiện theo quy định tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay. Các hình thức đảm bảo vốn vay khác là toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VNĐ và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng.

Khoản vay ngắn hạn từ Công ty TNHH Tin học Anh Quân theo hình thức tín chấp và sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Khoản vay này chịu lãi suất theo bảng lãi suất vay ngắn hạn áp dụng tại Công ty cho khoản vay ngắn hạn cá nhân (bên dưới).

**Khoản vay ngắn hạn cá nhân**

Số tiền công ty vay tín chấp của Cán bộ Công nhân viên công ty với lãi suất thay đổi chi tiết như sau:

	Khoản vay bằng	
	VNĐ	USD
	% / tháng	
Từ tháng 01/2012 đến tháng 03/2012	1,50	0,34
Từ tháng 04/2012 đến tháng 05/2012	1,40	0,34
Từ tháng 06/2012 đến tháng 07/2012	1,20	0,25
Từ tháng 08/2012 đến tháng 09/2012	1,00	0,25
Từ tháng 10/2012 đến tháng 12/2012	1,08	0,25

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Thuế Giá trị gia tăng	2.905.846.002	103.924.838
Thuế Nhập khẩu	119.501.378	45.354.638
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	1.663.610.852	3.365.440.913
Thuế Thu nhập cá nhân	55.037.540	135.336.629
	<b>4.743.995.772</b>	<b>3.650.057.018</b>

**15. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

Các khoản dự phòng đối với bảo hành sản phẩm là ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí sửa chữa phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng Công ty áp dụng đối với các sản phẩm điện tử, điện lạnh trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các sản phẩm lỗi.

**16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Điện Biên Phủ	-	6.428.000.000
Ngân hàng Công Thương Bình Thuận	-	580.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài Chính - ACB	8.050.112.000	10.977.056.000
	<b>8.050.112.000</b>	<b>17.985.056.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo Tài chính Hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)**

Ngày 05 tháng 10 năm 2011, Công ty ký khế ước nhận nợ số 01-01.10.11/HĐCTTC-HT của Hợp đồng thuê tài chính số 02.10.11/HĐCTTC-HT ngày 04/10/2011 với số tiền 13.903.000.000 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất từ ngày 05/10/2011 đến ngày 04/01/2012 là 20%/năm, từ ngày 05/01/2012 trở đi lãi suất cho thuê thay đổi theo công thức: Lãi suất 13 tháng + 7%/năm. Mục đích thuê là bảo quản hàng thực phẩm, dược phẩm. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng thuê tài chính, thời gian ân hạn là 03 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là khoản ký cược của Công ty: giá trị thuê tài sản x 10% và Công ty cam kết dùng toàn bộ tài sản hợp pháp của mình làm tài sản đảm bảo cho tất cả các nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ thuê tài chính.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	3.170.856.000	5.496.944.000
Trong năm thứ hai	3.170.856.000	5.042.944.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.879.256.000	12.942.112.000
Sau năm năm	-	-
	<b>11.220.968.000</b>	<b>23.482.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(3.170.856.000)	(5.496.944.000)
Số phải trả sau 12 tháng	<b>8.050.112.000</b>	<b>17.985.056.000</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty 80.591.400.000 VNĐ (năm 2011: 80.591.400.000 VNĐ). Tại ngày 31/12/2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy Đăng		Vốn thực góp			
	kỳ kinh doanh		31/12/2012		01/01/2012	
	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>
Ông Nguyễn Bá Trí	24.727.560.000	30,68	24.727.560.000	30,68	24.727.560.000	30,68
Ông Đặng Anh Tâm	10.520.930.000	13,05	10.520.930.000	13,05	10.520.930.000	13,05
Ông Bùi Quốc Hưng	10.303.150.000	12,78	10.303.150.000	12,78	10.303.150.000	12,78
Các cổ đông khác	35.039.760.000	43,48	35.039.760.000	43,48	35.039.760.000	43,48
	<b>80.591.400.000</b>	<b>100</b>	<b>80.591.400.000</b>	<b>100</b>	<b>80.591.400.000</b>	<b>100</b>

**18. CỔ TỨC VÀ CỔ PHIẾU**

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức năm trước chi bằng tiền	12.088.710.000	5.537.452.000
Cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	-	12.918.860.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-
	<b>12.088.710.000</b>	<b>18.456.312.000</b>

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>CỔ PHIẾU</u>	<u>CỔ PHIẾU</u>
<b>Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.059.140	8.059.140
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.059.140	8.059.140
- Cổ phiếu phổ thông	8.059.140	8.059.140
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.059.140	8.059.140
- Cổ phiếu phổ thông	8.059.140	8.059.140
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***19. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong các công ty con của Công ty. Tình hình biến động của cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01 tháng 01	8.606.170.649	5.502.117.833
Vốn góp trong năm của các cổ đông thiểu số	(5.570.062.947)	2.532.000.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông thiểu số	429.349.224	1.191.547.482
Phân chia lợi nhuận cho các cổ đông thiểu số	(707.950.583)	(619.494.666)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b><u>2.757.506.343</u></b>	<b><u>8.606.170.649</u></b>

**20. DOANH THU**

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	66.817.114.543	56.069.320.187
- Doanh thu công trình	293.412.182.491	358.442.309.449
- Doanh thu dịch vụ	503.861.270	4.418.627.258
	<b><u>360.733.158.304</u></b>	<b><u>418.930.256.894</u></b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
- Hàng bán bị trả lại	(6.016.000)	(26.392.000)
	<b><u>360.727.142.304</u></b>	<b><u>418.903.864.894</u></b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Trong đó:</b>		
- Giá vốn của công trình	251.520.682.804	304.538.578.934
- Giá vốn của hàng hóa	38.999.942.674	34.525.892.650
	<b><u>290.520.625.478</u></b>	<b><u>339.064.471.584</u></b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	330.409.944	459.290.525
Khác	131.362.646	-
	<b><u>461.772.590</u></b>	<b><u>459.290.525</u></b>

**23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay	10.242.100.487	8.283.607.331
Chi phí thuê tài chính	2.431.876.807	471.157.223
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	34.368.453	1.125.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	650.858.648	591.685.786
	<b><u>13.359.204.395</u></b>	<b><u>10.471.450.340</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí tiền lương nhân viên	2.381.820.629	-
Chi phí bao bì	81.551.513	147.929.411
Chi phí công cụ, dụng cụ	546.553.450	148.140.632
Chi phí bảo hành	1.597.420.359	657.764.435
Chi phí khấu hao	-	469.367.725
Chi phí vận chuyển	501.650.887	561.168.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.168.031.244
Chi phí khác bằng tiền	6.688.026	373.053.879
	<u><b>5.115.684.864</b></u>	<u><b>3.525.456.012</b></u>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí Nhân viên quản lý	11.901.910.838	24.699.687.001
Chi phí dự phòng	4.489.503.824	778.428.370
Chi phí đồ dùng văn phòng	532.224.548	627.674.286
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.682.085.522	2.377.214.438
Thuế, phí và lệ phí	1.374.838.731	1.285.184.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.225.862.971	3.107.774.578
Chi phí khác	6.336.800.162	8.414.056.222
	<u><b>33.543.226.596</b></u>	<u><b>41.290.019.617</b></u>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	19.597.263.308	27.113.726.895
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	499.025.016	1.011.604.844
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<u><b>20.096.288.324</b></u>	<u><b>28.125.331.739</b></u>
+ Thuế suất phổ thông	25%	25%
+ Thuế suất ưu đãi	10%	10%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	4.300.802.003	5.892.296.078
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<u>(1.741.056.937)</u>	<u>(2.358.229.413)</u>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u><b>2.559.745.066</b></u>	<u><b>3.534.066.665</b></u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH Hoàng Tâm có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế, được miễn 3 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (2006) và được giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Kho vận Chuyên nghiệp ETC có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm 2005, được miễn 3 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (2008) và được giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.608.169.018	22.388.112.748
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.608.169.018	22.388.112.748
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.059.140	7.347.736
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.061</u></b>	<b><u>3.047</u></b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí Nguyên vật liệu	294.637.884.918	482.726.299.596
Chi phí nhân công	35.082.356.655	29.768.610.919
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.240.275.499	3.280.684.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.768.040.195	21.043.104.073
Chi phí khác	15.063.133.143	10.310.451.424
	<b><u>392.791.690.410</u></b>	<b><u>547.129.150.087</u></b>

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo Tài chính Hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MÃ B 09-DN****30. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ Đầu tư & Phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2011	57.021.040.000	9.187.948.000	(302.130.868)	5.205.834.913	2.007.156.450	26.917.458	22.374.261.704	95.521.027.657
Tăng vốn trong năm	23.570.360.000	(6.151.500.000)	-	-	-	-	-	17.418.860.000
Lợi nhuận	-	4.500.000.000	-	-	-	-	22.388.112.748	26.888.112.748
Trích quỹ	-	-	-	1.555.524.839	1.990.822.129	1.152.028.062	(4.698.375.030)	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	(2.573.084.796)	(2.573.084.796)
Chi từ quỹ	-	-	(143.048.322)	-	-	(1.245.000.000)	-	(1.388.048.322)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(18.456.312.000)	(18.456.312.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>80.591.400.000</b>	<b>7.536.448.000</b>	<b>(445.179.190)</b>	<b>6.761.359.752</b>	<b>3.997.978.579</b>	<b>(66.054.480)</b>	<b>19.034.602.626</b>	<b>117.410.555.287</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	16.608.169.018	16.608.169.018
Trích quỹ	-	-	-	975.026.592	975.026.592	975.026.592	(2.925.079.776)	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	(975.026.590)	(975.026.590)
Chi từ quỹ	-	-	445.179.190	-	-	-	-	445.179.190
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(12.088.710.000)	(12.088.710.000)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>80.591.400.000</b>	<b>7.536.448.000</b>	<b>-</b>	<b>7.736.386.344</b>	<b>4.973.005.171</b>	<b>908.972.112</b>	<b>19.653.955.278</b>	<b>121.400.166.905</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo Tài chính Hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

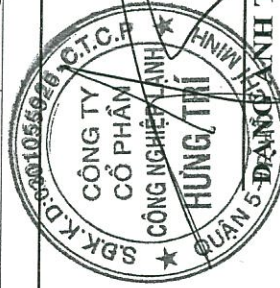
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**MẪU B 09-DN**

**THÔNG TIN THÊM: BẢNG PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

CHỈ TIÊU	NĂM 2012					
	HƯNG TRÍ CP	NLX	KTCT	ETC	HOÀNG TÂM	TỔNG CỘNG
1. Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.139.849.423	590.177.983	1.365.198.750	(688.321.869)	8.630.613.955	17.037.518.242
2. Phần trích các quỹ	-	88.526.697	204.779.813	-	863.061.396	1.156.367.906
3. Lợi nhuận sau khi trích quỹ	7.139.849.423	501.651.286	1.160.418.937	(688.321.869)	7.767.552.559	15.881.150.336
4. Phân chia lợi nhuận						
4.1 Công ty mẹ	7.139.849.423	451.486.157	1.102.397.990	(688.321.869)	7.495.688.219	15.501.099.920
4.2 Cổ đông thiểu số	-	50.165.129	58.020.947	-	271.864.340	380.050.416



**ĐANG QUANG VINH TÂM**

Tổng Giám Đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

**PHAN QUANG VINH**

Kế toán trưởng